

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 4 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hiền.

Ông Nguyễn Công Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 468/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Phúc E, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

Chị Trần Thị Cẩm N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Văn Phúc E vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Phúc E chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B. Thời gian đầu chị và anh Phúc E chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 7/2023 vợ chồng P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như quan niệm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn mặc dù hai bên gia đình có khuyên nhủ và hòa giải. Chị và anh Phúc E ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, không sống chung lại với

nhau ngày nào. Nay chị thấy mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phúc E.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Phúc E có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tấn P, sinh ngày 24/10/2019 hiện cháu P đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Phúc E cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Nguyễn Văn Phúc E vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Tri căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Phúc E đều vắng mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập anh Phúc E tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Phúc E vẫn vắng mặt không lý do; Về phía chị Trần Thị Cẩm N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Phúc E và chị Trần Thị Cẩm N.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn Phúc E và chị Trần Thị Cẩm N bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo lời trình bày của chị N cho rằng, thời gian đầu chị và anh Phúc E chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 7/2023 vợ chồng P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như quan niệm sống, vợ chồng thuyên xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn mặc dù hai bên gia đình có khuyên nhủ và hòa giải. Chị và anh Phúc E ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Xét thấy, giữa anh Nguyễn Văn Phúc E và chị Trần Thị Cẩm N có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa anh Phúc E và chị N không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Tòa án thông báo cho anh Phúc E các phiên hòa giải, mục đích động viên cho anh và chị N đoàn tụ sống lại với nhau nhưng anh Phúc E không chấp hành, xem như anh Phúc E đã từ bỏ quyền của mình và không có thiện chí đoàn tụ với chị N. Mặt khác, chị N kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với anh Phúc E. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng anh Phúc E và chị N không đảm bảo nguyên tắc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Phúc E.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Phúc E và chị Trần Thị Cẩm N có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tấn P, sinh ngày 24/10/2019 hiện cháu P đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Phúc E cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu P đang sống chung với chị N và được chị N chăm sóc tốt nên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm này là phù hợp nên được chấp nhận. Chị N không yêu cầu anh Phúc E cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Trần Thị Cẩm N đối với anh Nguyễn Văn Phúc E.

Chị Trần Thị Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Phúc E.

[3] Về con chung: Ghi nhận anh Nguyễn Văn Phúc E và chị Trần Thị Cẩm N có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tấn P, sinh ngày 24/10/2019. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N đối với anh Phúc E. Giao cháu Nguyễn Trần Tấn P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn Phúc E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0007080 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND X.H, H.G;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Minh Tâm**